TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YK-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ	***YK,*** *ngày 19 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N sinh năm 1997; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Cù Văn G sinh năm 1995; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị N và anh Cù Văn G

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị N và anh G trình bày vợ chồng có 01 con là cháu Cù Gia B sinh ngày 21/9/2018. Chị N và anh G thỏa thuận, giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành; chị N không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N; chị N cam đoan sẽ đảm B đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu B.

Anh G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu B được sống chung với chị N và anh G có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu B; chị N không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc cháu B.

Về tài sản: Chị N và anh G đều trình bày để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nên cả chị N và anh G đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N và anh G thỏa thuận chị N chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002273 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.